

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3115 /BNV-CCHC
V/v triển khai Kế hoạch kiểm tra
công tác cải cách hành chính
năm 2026

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-BNV ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành năm 2026.

Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ triển khai thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 với một số nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2026, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, công điện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ liên quan đến cải cách hành chính trong thời gian qua; thông qua đó, làm rõ kết quả cải cách hành chính đạt được trên các lĩnh vực quản lý của các bộ, ngành, địa phương; chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề ra biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ công tác cải cách hành chính trong thời gian tiếp theo.

b) Phát hiện những cách làm hay, sáng tạo để có giải pháp nhân rộng trong cả nước; kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn hoặc vi phạm trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương để có hướng khắc phục, tháo gỡ trong tổ chức thực hiện; ghi nhận những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong cả nước; tạo đột phá mới trong công tác cải cách hành chính năm 2026 và những năm tiếp theo.

c) Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính.

2. Yêu cầu

a) Việc kiểm tra bảo đảm chính xác, khách quan, không gây trở ngại đến

các hoạt động của cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

b) Việc kiểm tra phải tuân thủ đúng quy định, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao.

c) Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương để bảo đảm việc kiểm tra mang tính toàn diện, bám sát vào các nội dung đã được quy định.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

Kiểm tra việc triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch công tác của bộ, cơ quan, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2026 (tính đến thời điểm kiểm tra) như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Việc triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021¹; Nghị quyết số 01/NQ-CP², Nghị quyết số 02/NQ-CP³ ngày 08/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030⁴ và các Kế hoạch của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06⁵, Tổ công tác cải cách hành chính... ; kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; các quyết định, chỉ thị, công điện của Thủ tướng Chính phủ về cải cách hành chính nhà nước.

2. Cải cách thể chế: Công tác xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; công tác phổ biến giáo dục pháp luật; công tác truyền thông chính sách, pháp luật về cải cách hành chính; tình hình tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn về thể chế để thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Cải cách thủ tục hành chính: Tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho người dân, tổ chức; kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh và giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp theo các yêu cầu, nhiệm vụ tại các nghị quyết của Bộ Chính trị (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2025) và các nghị quyết của Chính phủ (Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025; Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025; các nghị quyết khác có liên quan); công bố, công khai TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đổi mới cơ chế một

¹ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021¹ của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021–2030

² Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

³ Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

⁴ Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ

⁵ Quyết định số 11/QĐ-TTg ngày 27/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ

cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC; đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công; tái cấu trúc quy trình, số hóa hồ sơ giấy tờ và hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực và việc tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa để tránh yêu cầu người dân nộp bản sao giấy; thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; tình hình chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm; đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: Việc rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; kết quả hoạt động sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp; kiểm tra việc triển khai thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với vị trí việc làm và đánh giá hiệu quả sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính (đối với địa phương) và hợp nhất bộ (đối với các bộ, cơ quan ngang bộ); việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập và việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền⁶.

5. Cải cách chế độ công vụ: Việc thực hiện quy định của pháp luật về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm và tuyển dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; kiểm tra việc thực hiện Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Viên chức năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành; việc thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; trách nhiệm, đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; kỷ luật, kỷ cương công vụ trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức; tình hình, kết quả thực hiện chính sách, chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức sau thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.

6. Cải cách tài chính công: Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước và tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý tài sản công.

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số: Việc triển khai xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ

⁶ Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kế hoạch số 130/KH- BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 về Kế hoạch sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

số, chính quyền điện tử, chính quyền số; chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW⁷ và các chỉ thị, nghị quyết, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin báo cáo quốc gia⁸; triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chính quyền điện tử, chính quyền số; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết thủ tục hành chính.

III. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Kiểm tra thực tế việc tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp tại một số đơn vị của bộ, ngành và địa phương (mỗi bộ, tỉnh lựa chọn từ 02 đến 03 cơ quan, đơn vị để làm việc với Đoàn kiểm tra).

2. Đoàn Kiểm tra làm việc trực tiếp với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị của bộ, tỉnh được lựa chọn kiểm tra thực tế về các nội dung sau:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Công văn này) và những đề xuất, kiến nghị (nếu có);
- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra thực tế;
- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

3. Làm việc với lãnh đạo các bộ, các địa phương được kiểm tra về các nội dung sau:

- Báo cáo tình hình thực hiện cải cách hành chính của bộ, địa phương được kiểm tra (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Công văn này) và những đề xuất, kiến nghị (nếu có);
- Lãnh đạo bộ, tỉnh báo cáo những vấn đề về triển khai công tác cải cách hành chính của bộ, địa phương;
- Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra;
- Trưởng đoàn kiểm tra kết luận.

4. Trong trường hợp vì lý do khách quan không thể tổ chức kiểm tra thực tế

⁷ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025

⁸ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026; Quyết định số 970/QĐ-TTg ngày 19/5/2025; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021.

tại các cơ quan, đơn vị, Trưởng đoàn kiểm tra sẽ tiến hành kiểm tra qua báo cáo; kiểm tra trực tuyến hoặc các hình thức phù hợp khác.

IV. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG KIỂM TRA VÀ THÀNH PHẦN ĐOÀN KIỂM TRA

Thời gian kiểm tra cụ thể tại các bộ, địa phương do Trưởng đoàn quyết định. Dự kiến mỗi bộ, địa phương được tiến hành kiểm tra trong khoảng từ 1,5 - 2,0 ngày (gồm: 01 ngày kiểm tra chuyên sâu ở cấp chuyên viên; 0,5 - 01 ngày kiểm tra, kết luận của Trưởng đoàn).

Đối tượng, thành phần, thời gian các đoàn kiểm tra thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Công văn này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Cải cách hành chính

- Làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức Đoàn kiểm tra theo nội dung Kế hoạch đã ban hành.

- Có trách nhiệm thông báo cho các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương được kiểm tra về thành phần, nội dung, thời gian, địa điểm để bảo đảm cuộc kiểm tra đạt kết quả.

- Kết thúc mỗi cuộc kiểm tra, Vụ Cải cách hành chính có trách nhiệm là đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ thông báo kết quả kiểm tra bằng văn bản cho các đơn vị được kiểm tra và các đơn vị có liên quan.

2. Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Nội vụ và các đơn vị ngoài Bộ Nội vụ được mời tham gia đoàn kiểm tra

- Căn cứ vào Kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, các đơn vị chủ động liên hệ với Vụ Cải cách hành chính cử lãnh đạo, công chức tham gia Đoàn kiểm tra theo đúng thành phần.

- Chuẩn bị nội dung theo các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị để làm việc với các đơn vị được kiểm tra theo sự phân công của Trưởng đoàn.

3. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương được kiểm tra

- Lãnh đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra.

- Xây dựng báo cáo theo Phụ lục I và gửi về Bộ Nội vụ trước thời gian kiểm tra ít nhất 05 ngày làm việc.

- Tạo điều kiện thuận lợi giúp Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

VI. KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra được lấy từ nguồn kinh phí cải cách hành chính năm 2026 đã được cấp của các cơ quan, đơn vị.

2. Nội dung và định mức chi

Nội dung và định mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

Trên đây là nội dung triển khai kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026 của Bộ Nội vụ - cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ gửi các bộ, ngành, địa phương để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Khoa học và Công nghệ (cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra);
- Các Vụ: CCHC, TC-BC, CQĐP, CC-VC (tham gia Đoàn kiểm tra);
- Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương (để p/hợp);
- Lưu VT, CCHC^{VTC}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026
(Kèm theo Công văn số 3115/BNV-CCHC ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nội vụ)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Về triển khai thực hiện kế hoạch cải cách hành chính

- Việc đôn đốc triển khai, bố trí nguồn lực cho cải cách hành chính; thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra cải cách hành chính. Đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu trong triển khai cải cách hành chính
- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.
- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

2. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.
- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

3. Về triển khai thực hiện các nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.
- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

4. Tổng hợp, thống kê kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao từ đầu năm 2026 đến thời điểm báo cáo

- Tổng số nhiệm vụ được giao; số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trình bày những kết quả chủ yếu đạt được trong cải cách hành chính của bộ, ngành/địa phương từ đầu năm đến nay, trên các lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Cải cách thể chế

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.
- Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân.
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.
- Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách thể chế.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Báo cáo, thống kê các kết quả về những nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính (TTHC) theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

- Về triển khai các nghị quyết của Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC trên các lĩnh vực liên quan đến người dân, doanh nghiệp, trọng tâm là: đất đai, xây dựng, đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan, nông nghiệp, nông thôn, lao động, khởi nghiệp, phát triển du lịch, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm xã hội, chính sách đối với người có công, lý lịch tư pháp, hộ tịch ...

+ *Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện*

+ *Thống kê: Số nhiệm vụ đã hoàn thành; số nhiệm vụ chưa hoàn thành; nguyên nhân*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc*

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện đối với các nội dung về danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành/địa phương; danh mục TTHC đề xuất, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa; danh mục TTHC nội bộ; phân cấp giải quyết TTHC; số hóa kết quả giải quyết TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông;...

- Đánh giá, thống kê cụ thể đối với các chỉ tiêu đạt được; tỷ lệ chưa đạt được; lý do chưa đạt được; khó khăn, vướng mắc ở các nội dung sau:

+ *Cắt giảm, đơn giản hóa quy định và cắt giảm chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh;*

+ *Cắt giảm thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa;*

+ *Cắt giảm TTHC và chi phí tuân thủ TTHC nội bộ theo chỉ tiêu được xác định tại Quyết định số 1085/QĐ-TTg.*

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

+ *Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân.*

+ *Đánh giá tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị sau thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy.*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

- Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách bộ máy hành chính nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

+ *Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân.*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

Đồng thời báo cáo chi tiết, cụ thể về những nội dung sau:

+ *Kết quả, khó khăn, vướng mắc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức sau sắp xếp tổ chức bộ máy.*

+ *Kết quả ban hành, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức.*

+ *Kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ và tình hình chấp hành kỷ luật kỷ cương hành chính của công chức, viên chức;*

+ *Tình hình thực hiện thi tuyển công chức, viên chức và các chức danh lãnh đạo, quản lý;*

+ *Kết quả ban hành và thực hiện các chính sách thu hút người có tài năng vào cơ quan nhà nước.*

- Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách chế độ công vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện

+ *Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân.*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

- Những vấn đề khác liên quan đến công tác cải cách tài chính công.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; chính quyền điện tử, chính quyền số

- Đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

+ *Thống kê, đánh giá những nội dung đã hoàn thành; những nội dung chưa hoàn thành, nguyên nhân.*

+ *Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.*

Đồng thời, báo cáo chi tiết, cụ thể một số nội dung sau:

+ *Triển khai xây dựng, phát triển các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.*

+ *Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ của cơ quan nhà nước.*

+ *Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp (Vận*

hành Cổng dịch vụ công; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thanh toán trực tuyến; các tiện ích phục vụ người dân, doanh nghiệp khi giải quyết TTHC).

- Những vấn đề khác liên quan đến công tác xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số; chính quyền điện tử, chính quyền số.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Nêu cụ thể những kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Bộ Nội vụ, các bộ, ngành liên quan nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.

- Đề xuất những sáng kiến, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

IV. CÁC PHỤ LỤC, BẢNG, BIỂU (kèm theo báo cáo)

Phụ lục II**KIỂM TRA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2026***(Kèm theo Công văn số 3115/BNV-CCHC ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nội vụ)*

TT	Thành phần Đoàn kiểm tra	Bộ, địa phương được kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Nội dung kiểm tra
1.	- Trưởng đoàn: Bộ trưởng Bộ Nội vụ. - Thành viên: + Bộ Nội vụ (Lãnh đạo, chuyên viên Vụ Cải cách hành chính, Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Tổ chức - Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương); + Bộ Khoa học và Công nghệ (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Bộ Tư pháp (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Bộ Tài chính (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.	- Các tỉnh: <i>Tuyên Quang, Cà Mau</i> và các bộ, tỉnh, thành phố khác do Bộ trưởng quyết định.	Quý II-III/2026	- Kiểm tra tình hình, kết quả triển khai nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. - Kiểm tra tổng hợp các lĩnh vực cải cách hành chính nhà nước.
2.	- Trưởng đoàn: Thứ trưởng Bộ Nội vụ. - Thành viên: + Bộ Nội vụ (Lãnh đạo, chuyên viên Vụ Cải cách hành chính, Vụ Công chức - Viên chức, Vụ Tổ chức - Biên chế, Vụ Chính quyền địa phương); + Bộ Khoa học và	- Bộ, ngành: <i>Bộ Giáo dục và Đào tạo</i> và các bộ, ngành khác do Thứ trưởng quyết định. - Các tỉnh, thành phố: <i>Đắk Lắk, Tây Ninh</i> và các tỉnh, thành phố khác do Thứ trưởng quyết định.	Quý II-III/2026	- Kiểm tra tình hình, kết quả triển khai nội dung cải cách hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ. - Kiểm tra tổng hợp các lĩnh vực cải cách hành chính

TT	Thành phần Đoàn kiểm tra	Bộ, địa phương được kiểm tra	Thời gian kiểm tra	Nội dung kiểm tra
	Công nghệ (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Bộ Tư pháp (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Bộ Tài chính (Lãnh đạo cấp Vụ hoặc cấp Phòng); + Một số bộ, ngành khác theo yêu cầu.			nhà nước.

****Ghi chú:*** Thành phần Đoàn kiểm tra, thời gian kiểm tra, nội dung, chương trình làm việc, Bộ Nội vụ sẽ có công văn cụ thể gửi các bộ và địa phương.